

Bản án số: **58/2023/HS-ST**

Ngày: 06 - 7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H** XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Đinh Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

P.V.L (tên gọi khác: N***); Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: BVD, Phường x, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông P.V.C, không rõ sinh năm và bà N.T.H, không rõ năm sinh; Hoàn cảnh gia đình: Vợ, con chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự:

- Ngày 02/05/2019 bị Tòa án nhân dân Quận 7 ra Quyết định số 95/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 21 tháng. Đến ngày 02/12/2020 chấp hành xong.

- Ngày 07/09/2021 bị Tòa án nhân dân Quận 7 ra Quyết định số 97/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 15 tháng. Đến 01/10/2022 chấp hành xong.

Nhân thân: Ngày 26/01/2015 bị Tòa án nhân dân Quận 4 ra Quyết định số 18/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 18 tháng. Đến 12/06/2016 chấp hành xong

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến nay “có mặt”.

Bị hại: Anh H.H.H, sinh năm 1986 “vắng mặt”

Địa chỉ cư trú: P.V.H, Phường T.T.N, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 03/03/2023, anh H.H.H (chạy xe ôm) đang đậu xe gần máy chờ khách ở ngã ba B.V, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh thì P.V.L đi bộ đến kêu anh H** chở đến khu vực phường T.M.L, Tp. Thủ Đức, với giá 80.000 đồng. Khi đến nơi, L** mượn điện thoại di động Redmi Note 7, màu xanh của anh H** để gọi người quen ra trả tiền xe nhưng không gọi được nên L** kêu anh H** chở tới NTT, Phường z Quận 4, giá 70.000 đồng. Khi đến nơi, L** tiếp tục mượn điện thoại anh H** để gọi người quen ra trả tiền. Sau khi nhận được điện thoại L** giả vờ bấm điện thoại rồi nhanh chóng cầm điện thoại bỏ chạy bộ tẩu thoát. Thấy L** bỏ chạy, anh H** chạy bộ đuổi theo và truy hô “cướp...cướp” nên L** vứt bỏ điện thoại lại, khi L** chạy đến trước NTT, Phường z Quận 4 thì anh H** đuổi kịp và giữ L** lại rồi giao cho Công an Phường 13, Quận 4 lập biên bản phạm tội quả tang.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4, P.V.L đã khai nhận toàn bộ hành vi giật điện thoại di động Redmi Note 7, màu xanh của anh H.H.H như trên (BL: 72-82).

Tại kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 08/03/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Quận 4 kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 7, màu xanh, số Imei 1: 864753041793992, số Ime 2: 864753041933994, bên trong gắn hai sim số gồm 0981822xxx và 0908633xxx, bên ngoài có gắn ốp lưng nhựa màu nâu, trị giá 1.400.000 đồng. Ngày 13/03/2023, Cơ quan Công an Quận 4 ra Quyết định trao trả lại điện thoại di động cho anh H**.

Vật chứng:

- 01 đĩa DVD chứa nội dung ghi lời khai của P.V.L có ghi âm ghi hình (lưu kèm theo hồ sơ vụ án).

Về dân sự: Anh H.H.H đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường dân sự, đề nghị xử lý vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 06/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố bị cáo P.V.L về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo P.V.L thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 trình bày lời luận tội: Cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 06/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố bị cáo P.V.L về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phan Văn L** từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù;

Về trách nhiệm dân sự: Anh H.H.H đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường dân sự, do đó không có gì để xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa nội dung ghi lời khai của P.V.L có ghi âm ghi hình (lưu kèm theo hồ sơ vụ án).

Phần tranh luận: Bị cáo P.V.L không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo P.V.L đã nhận ra hành vi sai trái, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 4, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo P.V.L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 03/03/2023, tại hẻm 280 Nguyễn Tất Thành Phường 13 Quận 4, P.V.L đã thực hiện hành vi tiếp cận tài sản của anh H.H.H là điện thoại di động Redmi Note 7, màu xanh trị giá 1.400.000 đồng rồi nhanh chóng bỏ chạy để chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo P.V.L đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Do đó, để có tác dụng giáo dục và răn đe, căn cứ vào tính chất nguy hiểm của tội phạm cần có mức án tương ứng để xử phạt. Tuy nhiên, xét bị cáo thành khẩn khai báo nên khi lượng hình có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh H.H.H đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường dân sự, nên không có gì để xem xét giải quyết.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- 01 đĩa DVD chứa nội dung ghi lời khai của P.V.L có ghi âm ghi hình (lưu kèm theo hồ sơ vụ án) nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án .

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo P.V.L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2023.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa nội dung ghi lời khai của P.V.L có ghi âm ghi hình (lưu kèm theo hồ sơ vụ án).

Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nội nhận:

- Bị cáo; (1)
- Người tham gia tố tụng (1)
- CA TP.HCM (PV 06); (2)
- TAND TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công an Quận 4; (2)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tân Quốc Bình